

## VÀI NÉT VỀ CÁCH ĐỊNH NGHĨA CÁC MÀU CƠ BẢN TRONG TIẾNG VIỆT, TIẾNG ANH VÀ Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG CỦA MỘT SỐ MÀU CƠ BẢN

### Some ways of defining basic colours in Vietnamese, English and typical meanings of some basic colours

LÊ THỊ VY

(ThS; Viện Đại học Mở Hà Nội)

**Abstract:** It is a fact that the people and their language are closely related. The language helps the people communicate, express their thoughts, their feelings, their cultures... Different cultures have different terms for colours, and may also assign some color terms to slightly different parts of the human color space. Color is believed to derive from the *spectrum of light* interacting in the eye with the spectral sensitivities of the *light receptors*. Color categories and physical specifications of color are also associated with objects, materials, light sources, etc., based on their physical properties such as light absorption, reflection, or emission spectra. By defining a *colour space*, colors can be identified numerically by their coordinates.

When the two peoples define basic colours, they normally make a comparison between the colour and the real things. Different things are used in different cultures. The research is hoped to present the ways the Vietnamese and the English define basic colours, to give some explanations for the choice of the things, and to mention typical meanings of some basic colours. This may help to identify the cultural features of the countries.

**Keywords:** colours; typical meanings; Vietnamese and English.

#### 1. Mở đầu

Con người cần ngôn ngữ để giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày những suy nghĩ, tư duy của mình. Với những nhu cầu thiết thực đó, ngôn ngữ đã nảy sinh và ngày càng trở nên phong phú. Khi sử dụng ngôn ngữ, con người gửi gắm trong đó những tâm tư, tình cảm, bản sắc văn hóa của dân tộc mình, cá nhân mình. Vì vậy, khi các cá nhân ở những nền văn hóa khác nhau tiếp xúc với nhau một cách trực tiếp hay gián tiếp, họ có thể phần nào cảm nhận được những đặc điểm dân tộc của một nền văn hóa. Không thể phủ nhận được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, theo đó, ở những nền văn hóa khác nhau, con

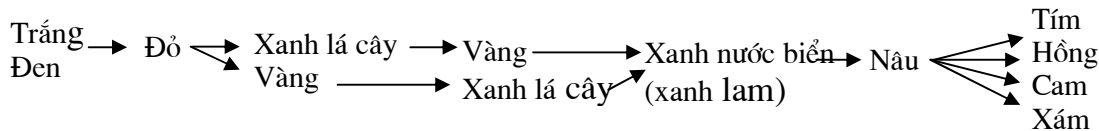
người nhìn nhận và phân chia thế giới khách quan không giống nhau. Họ hình thành cách nhìn về thế giới, hoặc bức tranh thế giới được con người thể hiện rất đa dạng thông qua ngôn ngữ.

Mỗi ngôn ngữ đại diện cho một dân tộc và thể hiện trong mình những nét văn hóa của dân tộc đó. Các nền văn hóa khác nhau sẽ có những đặc điểm khác nhau vì mỗi dân tộc có những giá trị riêng, những phương thức tư duy và những phong tục tập quán riêng. Tất cả những đặc điểm này đều ảnh hưởng tới cấu trúc và cách thức sử dụng ngôn ngữ của từng dân tộc. Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong trường từ vựng chỉ màu sắc của các dân

tộc khi cảm nhận thế giới màu sắc với những điểm tương đồng và khác biệt.

## 2. Vài nét về các từ chỉ màu sắc trong các ngôn ngữ trên thế giới

Các ngôn ngữ khác nhau “giải mã” ra một số lượng những từ chỉ màu sắc không giống nhau trong vốn từ vựng của mình. Điều này phụ thuộc vào việc phân chia dải màu quang phổ của từng dân tộc. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu nhận ra rằng, nhìn chung hầu hết các ngôn ngữ đều có những từ chỉ màu sắc được lựa chọn từ 11 màu cơ bản: trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh da trời, nâu, hồng, cam, tím, xám. Những màu sắc này được coi là cơ bản vì chúng thỏa mãn một số điều kiện như là những từ đơn âm, ta không đoán được nghĩa từ những phần cấu tạo nên từ đó (ví dụ:



Các ngôn ngữ sẽ lựa chọn cho mình số lượng các màu không nhất thiết phải như nhau nhưng chúng thường lấy những màu theo trật tự như các giai đoạn phát triển trên. Tuy nhiên trên thực tế, các nhà nghiên cứu khi xem xét các từ chỉ màu sắc cơ bản trong các ngôn ngữ đã nhận ra rằng một số ngôn ngữ không tuân theo trật tự trên. Ví dụ: Tiếng Quan Thoại có từ chỉ màu đen, trắng, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh lam và từ chỉ màu xám như tàn tro. Tiếng Quảng Đông có từ chỉ những màu trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh lam, hồng và xám. Màu nâu không phải là màu cơ bản và được coi là nằm trong màu vàng. Trong tiếng Nhật lại nảy sinh vấn đề nằm trong mối quan hệ nội tại giữa các từ chỉ màu cơ bản. Từ những chứng cứ thu thập được, người ta nhận thấy từ chỉ màu xanh lam “ao” rõ ràng cổ xưa hơn từ chỉ màu xanh lá cây “midori” và màu xanh lam đã từng có

*Salmon- coloured: màu tiết dê...*); ý nghĩa của nó không bị bao gồm trong ý nghĩa của một từ chỉ màu (ví dụ: *crimson, đỏ thắm...* đều thuộc về *đỏ*); chúng không bị hạn chế trong một nhóm sự vật (ví dụ: *blond* trong tiếng Anh chỉ dùng để chỉ nước da, tóc và đồ đạc...)

Thông thường, từ 11 màu cơ bản này các ngôn ngữ tự lựa chọn các màu sắc cơ bản cho ngôn ngữ mình và số lượng tùy vào cách tri nhận của từng dân tộc. Nếu một ngôn ngữ có ít hơn 11 màu đã kể ra ở trên chúng sẽ tuân theo những sự hạn chế “khắt khe” về cách phân bố các màu theo hai trật tự có thể kể ra dưới đây:

thời bao gồm cả màu xanh lá cây và xanh lam. Tiếng Việt cũng là một điển hình cho vấn đề này. Chúng ta có từ chỉ màu đen, trắng, đỏ, xanh, vàng, hồng, tím, nâu, xám nhưng lại không có từ phân biệt màu xanh lam và xanh lá cây. Để làm rõ điều này, ta có thể xem xét về cách thể hiện màu xanh trong tiếng Việt và tiếng Anh dưới đây.

## 3. Một số cách định nghĩa các màu cơ bản trong tiếng Việt và tiếng Anh

Khi phân tích lớp từ vựng chỉ màu cơ bản trong tiếng Việt và tiếng Anh chúng tôi nhận ra rằng, trong tiếng Việt có 9 màu cơ bản là trắng, đen, đỏ, xanh, nâu, vàng, tím, hồng, xám. Các màu cơ bản trong tiếng Anh bao gồm trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh lam, nâu, tím, hồng, xám và da cam. Để nghiên cứu cách thức định nghĩa các màu cơ bản trong 2 ngôn ngữ Việt và Anh, chúng tôi đã dựa vào *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ

biên) và *Oxford advanced learner dictionary* (2005) để đưa ra bảng tổng hợp sau:

**Tiếng Việt:**

| <b>Màu</b>   | <b>Định nghĩa</b>    |                                         | <b>Ví dụ</b>                                                                                        |
|--------------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | <b>Cấu trúc</b>      | <b>Vật được so sánh(Vật biểu trưng)</b> |                                                                                                     |
| <i>Trắng</i> | có màu như màu (của) | vôi, bông                               | Trên trời mây trắng như bông/ ở dưới cánh đồng bông trắng như mây                                   |
| <i>Đen</i>   | có màu như màu (của) | than, mực tàu                           | Cô kia đen thui đen thui ; Đánh phấn vô rồi đen vẫn hoàn đen                                        |
| <i>Đỏ</i>    | có màu như màu (của) | máu, son                                | Cây kia hoa đỏ còn tươi                                                                             |
| <i>Xanh</i>  | có màu như màu (của) | lá cây, nước biển                       | Ài vun ài xối ài bồi mây xanh; Cây xanh thì lá cũng <u>xanh</u> ;Ngó lên mây trắng trời <u>xanh</u> |
| <i>Vàng</i>  | có màu như màu (của) | hoa mướp, nghệ                          | Đánh được người mặt <u>vàng như nghệ</u>                                                            |
| <i>Nâu</i>   | có màu như màu (của) | nước củ nâu                             | Chăn tằm hái dâu cũng quần <u>nâu</u> áo vá                                                         |
| <i>Tím</i>   | có màu như màu (của) | quả cà dái dê                           | Màu tím hoa xoan                                                                                    |
| <i>Hồng</i>  | có màu như màu (của) | đỏ nhạt                                 | Cờ hồng pháp phối                                                                                   |
| <i>Xám</i>   | có màu               | tro                                     | Đôi cánh chim băng khuâng rã rời. Cùng mây <u>xám</u> về ngang lưng trời                            |

**Tiếng Anh:**

|                        |                                                                           |                                           |                                     |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>White (trắng)</i>   | of the very palest colour (like)                                          | fresh snow, commonsalt, milk              | Her hair has turned <u>white</u>    |
| <i>Black (đen)</i>     | of the very darkest colour (like)                                         | coal, soot                                | black coffee                        |
| <i>Red(đỏ)</i>         | of the colour (of)                                                        | fresh blood                               | Maple leaves turn red in the autumn |
| <i>Green(xanh lục)</i> | of the colour (of)                                                        | growing grass, leaves of plants and trees | as green as grass                   |
| <i>Yellow(vàng)</i>    | of the colour (of)                                                        | ripe lemons, egg yolks or gold            | yellow pages                        |
| <i>Blue(xanh lam)</i>  | having the colour of                                                      | clear sky or the sea on a sunny day       | a blue dress                        |
| <i>Brown(nâu)</i>      | having the colour of                                                      | toasted bread, coffee mixed with milk     | brown eyes                          |
| <i>Purple(tím)</i>     | having the colour of red and blue mixed together                          |                                           | a purple flower                     |
| <i>Pink(hồng)</i>      | of a pale red colour                                                      |                                           | She turns pink with confusion       |
| <i>Grey/Gray (xám)</i> | of the colour between (reddish- yellow colour of the fruit) of the colour | ashes, slate, lead                        | grey hair                           |
| <i>Orange</i>          |                                                                           | orange                                    | an orange hat                       |

Theo *Từ điển tiếng Việt* (1997), màu được định nghĩa là một “thuộc tính vật thể hiện ra nhờ tác động của ánh sáng và nhận biết được bằng mắt, cùng với hình ảnh giúp phân biệt vật này với vật khác.” Bằng cách đó, những sự khác biệt về màu sắc hay các sắc thái khác nhau của các màu của sự vật được nhận biết bằng thị giác. Nhờ vào quá trình hoạt động của hệ thống thần kinh thị giác, tư duy của chúng ta giải mã được các màu sắc của thế giới xung quanh. Vì vậy, trước hết não chúng ta được “cài đặt” những nhận thức về hệ thống màu sắc, sau đó chúng ta gán những nhận thức ấy với những vật thể trong thực tế có những tính chất tương đồng với chúng, và đồng thời những vật thể này tạo nên cơ sở cho sự quy chiếu chúng vào nhận thức của chúng ta về màu sắc. A. Wierzbicka (1990) khẳng định “màu sắc là cái mà con người cho là màu sắc” và X được coi là có màu Z và khi người ta nhìn thấy những vật giống X và họ nói rằng đó là màu Z. Do đó, để hiểu màu trắng chúng ta có thể dựa vào lớp vật thể mang tính chất của màu trắng trong thế giới tự nhiên để hiểu ý nghĩa của màu này.

Từ bảng tổng hợp trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra rằng, các từ chỉ màu cơ bản trong tiếng Việt được định nghĩa dựa trên sự so sánh một thuộc tính của màu với thuộc tính của sự vật đại diện hay biểu trưng trong thế giới tự nhiên. Nói cách khác, chúng được định nghĩa theo lối trực quan tức là chỉ ra sự vật điển hình mà từ chỉ màu đó chỉ xuất. Cách định nghĩa này thường được bắt đầu bằng cấu trúc: *có màu/ giống như màu của + sự vật*. Sự vật này mang đặc tính tiêu biểu của tính chất màu đang xét. Chúng tôi trích dẫn định nghĩa có liên quan đến một số màu trong *Từ điển tiếng Việt* (1997)

+ Trắng: 1, Có màu như màu của vôi, bông (*Vôi rất trắng*); 2, Có màu sáng, phân biệt với những cái cùng loại mà sẫm màu hoặc có màu khác (*Rượu trắng*)

+ Nâu: Có màu trung gian giữa đen và đỏ hoặc giữa vàng và đỏ sẫm, tương tự màu nước củ nâu.

+ Xanh: Có màu như màu của lá cây, của nước biển.

Những định nghĩa này đã làm sáng tỏ phân tích trên. Màu trắng có một đặc tính nổi bật giống đặc tính của hai sự vật trong thế giới khách quan là vôi, bông. Màu nâu tương tự như màu nước củ nâu. Màu xanh là màu giống như màu của lá cây, của nước biển. Việc so sánh với vật cụ thể như vậy giúp chúng ta có thể dễ dàng tưởng tượng được màu sắc một cách đầy đủ. Như vậy ta có thể thấy các màu cơ bản trong tiếng Việt sẽ có được định nghĩa như sau: *màu X là màu trắng, đen, đỏ, vàng, xanh, nâu, xám, hồng, hoặc tím khi X có màu giống như màu của vật nào đó đại diện mang những thuộc tính tương đương với màu trắng, đen, đỏ, vàng, xanh, nâu, xám, hồng, hoặc tím*.

Nhìn sang bảng định nghĩa các màu cơ bản trong tiếng Anh, ta thấy các từ chỉ màu trong tiếng Anh cũng được định nghĩa theo khuôn mẫu tương tự.

Ví dụ:

+ White: of the very palest colour, like fresh snow, common salt or milk (strong white teeth). (Trắng: thuộc về màu nhạt nhất, giống màu tuyết, muối hoặc sữa).

+ Brown: having the colour of toasted bread, or coffee mixed with milk. (Nâu: có màu của bánh mì nướng hoặc cà phê sữa.)

+ Blue: having the colour of a clear sky or the sea on the sunny day. (Xanh da trời: có màu của bầu trời trong hoặc biển trong một ngày nắng đẹp). (*Oxford advanced learner's dictionary*, 2005)

Từ điển Oxford đã đưa ra khuôn mẫu định nghĩa *màu X = thuộc về màu/ giống màu của một sự vật trong thế giới tự nhiên*. Khuôn mẫu định nghĩa về màu cơ bản trong tiếng Anh và tiếng Việt không hoàn toàn như nhau, đặc biệt các vật đại diện khác nhau do hai dân tộc có những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau. Ví dụ: màu trắng trong tiếng Việt được so với

vôi, bông, còn trong tiếng Anh nó được so sánh với tuyết, muối, sữa. Mặc dù vậy các màu cơ bản trong cả hai ngôn ngữ đều được định nghĩa thông qua việc so sánh với màu của các vật đại diện.

#### 4. Vài nét về ý nghĩa biểu trưng của một số màu cơ bản

Như chúng ta đã biết, các dân tộc phân chia và tri nhận dải màu sắc trong tự nhiên không như nhau. Vì vậy số lượng các từ chỉ màu sắc và phạm vi màu sắc mà các từ đó biểu thị là không trùng hợp nhau trong các ngôn ngữ. Ví dụ: với phạm vi màu xanh, tiếng Nga có ba tính từ (*xinij/ goluboj/ zelenyj*), tiếng Anh có hai từ (*blue/ green*), tiếng Việt chỉ có một từ xanh, còn trong tiếng Latinh không có từ nào. Những số lượng khác nhau như vậy không có nghĩa là người Nga tri nhận được nhiều màu xanh hơn các dân tộc khác, hay những người nói tiếng Latinh không phân biệt được màu xanh. Điều này chỉ khẳng định các dân tộc khác nhau phân chia dải màu sắc không như nhau trong ngôn ngữ của mình. Nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ - văn hóa và tư duy đã giải thích rõ hiện tượng này. Do đó, các từ chỉ màu cơ bản trong các ngôn ngữ có thể như nhau nhưng các dân tộc sử dụng những ngôn ngữ đó chưa chắc đã tri nhận những màu sắc đó theo những ý nghĩa giống nhau.

Thông thường mỗi dân tộc lựa chọn đặc trưng tiêu biểu, dễ khu biệt với các đối tượng khác để làm cơ sở cho việc gọi tên của sự vật. Vì vậy, các màu được so sánh hoặc liên tưởng với các vật mẫu điển hình không như nhau trong các ngôn ngữ. Sự so sánh hay liên tưởng này là do các đặc điểm về địa lí, lịch sử, điều kiện sống, các giá trị văn hóa... của mỗi dân tộc quy định. Ví dụ: theo *Từ điển tiếng Việt* (1997), người Việt nhìn thấy tính chất trắng nổi trội ở vôi, bông; tính chất vàng ở hoa mướp, nghệ; tính chất nâu ở củ nâu thì người Anh lại chú ý đến đặc điểm trắng của tuyết, muối, sữa; vàng ở những quả chanh chín, lòng đỏ trứng, và ở thứ kim loại quý là vàng; tính

chất nâu ở bánh mì nướng hay cà phê sữa. Sự khác nhau về vật mẫu đặc trưng được đem ra so sánh với các màu có thể là do sự khác biệt về hai nền văn hóa: văn hóa Việt - phương Đông và văn hóa Anh - phương Tây. Nền văn hóa phương Đông là nền văn hóa trọng tĩnh, điều kiện thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều nên rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Vì vậy những mẫu vật tiêu biểu nổi bật mà các dân tộc Việt nhận thức và quy chiếu cho các màu phần lớn là những vật mẫu điển hình cho nông nghiệp như bông, hoa mướp, nghệ, củ nâu,... Nền văn hóa phương Tây là nền văn hóa trọng động, khí hậu khô, lạnh với những đồng cỏ rộng lớn tạo điều kiện cho phát triển chăn nuôi. Vì vậy, dân Anh chủ yếu lấy vật điển hình từ những sản phẩm chăn nuôi như lòng đào trứng, vàng, bánh nướng. Như vậy khái niệm về các màu cơ bản trong từng ngôn ngữ phản ánh đặc trưng văn hóa - dân tộc của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó.

Trước hết, chúng tôi muốn phân tích ý nghĩa chung của các từ chỉ màu sắc cơ bản, từ đó chúng ta có thể thấy được hai dân tộc Việt và Anh sử dụng các cách diễn tả màu sắc như thế nào trong ngôn ngữ của họ. Màu đen và trắng là hai màu tương phản, ngang bằng với nhau về giá trị tuyệt đối. Chúng có thể ở hai đầu mút của gam màu như là hạn độ của các màu nóng cũng như lạnh. Tùy theo những sắc thái đi từ mờ đục tới bóng láng, hai màu này sẽ trở thành không màu hay tổng thể các màu, một sự phủ định hay tổng hợp màu sắc. Màu trắng ở phương Tây đã từng được coi là màu trắng mờ của cái chết, làm tiêu tan con người và đưa về thế giới thuộc mặt trăng, lạnh lẽo và âm tính, tới một sự trống vắng của ban đêm khi mà mọi ý thức và màu sắc bên ngoài đều biến mất. Màu trắng ở phương Đông là màu của sự quay về, là màu trắng lúc rạng đông khi bầu trời lại hiện ra, là màu trắng của sự tinh khiết. Trong mọi tư duy biểu trưng, cái chết đi trước sự sống, sinh ra tức là tái sinh. Vì vậy ngay từ đầu, màu trắng là màu của cảnh chết chóc, tang tóc. Màu trắng cũng là

màu của sự thanh khiết, trinh bạch, vì vậy trong nghi thức Kitô giáo khi mang chôn các trẻ nhỏ phải quấn vải liệm màu trắng, trang trí bằng hoa trắng. Trong đạo Phật Nhật Bản, vòng hào quang màu trắng và bông sen trắng được gắn liền với năm tay tri thức của đức Phật Đại Giác. Màu trắng thuộc mặt trời, gần gũi với màu vàng vì vậy hai màu này được kết hợp với nhau trên lá cờ của tòa thánh Vatican, lá cờ khẳng định ngôi vị trị vì trên thế gian của chúa trời Kitô giáo.

Như đã phân tích, màu đen đối lập với màu trắng. Là phản màu của mọi sắc màu, đen gọi liền tưởng đến bóng tối thừa hồng hoang, đến trạng thái, bất phân nguyên thủy. Màu đen biểu thị tính thụ động tuyệt đối, trạng thái chết hoàn toàn và bất di bất dịch. Màu đen vì vậy cũng là màu tang nhưng không phải như màu trắng mà nặng nề hơn. Tang tóc màu trắng có cái gì đó cứu thế. Nó chỉ một sự trống vắng phải được lấp đầy, một chỗ khuyết nhất thời. Còn màu đen thể hiện một cái tang vô vọng, là sự mất mát vĩnh viễn, rơi hẳn vào cõi hư vô.

Là màu của sự tuyên phạt nên màu đen cũng thể hiện sự từ chối hư danh nơi trần thế. Điều này giải thích tại sao các tu sĩ trong đạo Kitô và đạo Hồi mặc áo choàng đen. Màu đen là màu tang tóc ở phương Tây nhưng khởi nguồn nó cũng là màu đất đai màu mỡ, biểu tượng của sự phồn thực. Trong ngôn ngữ huy hiệu học, màu đen còn được gọi là “cát” để nói lên sự tương đồng của nó với đất đai cằn cỗi. Màu đen bóng và nóng, xuất phát từ màu đỏ đại diện cho tổng thể các màu. Sự kết hợp giữa màu đen với màu trắng được coi là “một cuộc hôn phối thiêng liêng” và đã sinh ra màu xám. Màu đen còn mang một dáng vẻ tối tăm và không trong sạch.

Theo cách nhìn phân tâm học, màu đen được coi như tình trạng thiếu vắng các màu sắc ánh sáng. Nó gợi lên một cảnh hỗn mang, một cõi hư vô, trời đêm, bóng đêm với những điều ác, nỗi lo sợ... Nó gợi ý tưởng về chốn sâu thẳm, về cái ác. Nó cũng biểu lộ sự u sầu,

phiền não, bất hạnh... Tuy nhiên cũng nhiều dân tộc tin rằng màu đen hứa hẹn một cuộc đời đổi mới, như đêm tối hứa hẹn bình minh và như mùa đông hứa hẹn mùa xuân.

Màu đỏ được coi là biểu tượng cơ bản của bản nguyên sống, nó biểu thị sức mạnh quyền lực. Nó là màu của lửa và máu. Màu đỏ sáng là màu của ngày, của dương tính, nó mang lực li tâm, phản ánh sự nhiệt tình hăng say, sự nhiệt huyết và vẻ đẹp, sức mạnh, sự hào hiệp của tuổi trẻ và sức khỏe. Màu đỏ sẫm lại là màu của đêm, của âm tính như đèn đỏ giao thông, đèn đỏ bật ở các khu vực cấm. Nó là màu đỏ hướng tâm mang ý nghĩa lễ tang, nhưng nó cũng thể hiện sắc đỏ của màu sâu kín, ẩn giấu, là điều kiện của sự sống. Đèn đỏ ở những khu nhà chứa có vẻ như kêu gọi nhưng thực sự khống chế những năng lực tình dục. Màu đỏ thiêng liêng và bí ẩn là cái huyền bí của sự sống ẩn giấu nơi đáy sâu của bóng tối và của những đại dương nguyên thủy.

Màu đỏ còn gắn bó với những lễ hội dân gian như lễ hội mùa xuân, lễ cưới, sinh nhật, các buổi lễ kỉ niệm lớn,... Tuy nhiên, khi màu đỏ được pha sắc tím tạo thành màu đỏ tía sẽ trở thành biểu hiện của quyền lực. Nó trở thành màu của các tướng lĩnh, của tầng lớp quý tộc và các nhà đại quý tộc, và ở một số dân tộc nó đã trở thành màu của các hoàng đế. Ở viễn Đông, màu đỏ kêu gọi cảm tưởng về khí nóng, cường độ, hoạt động, dục vọng. Trong toàn miền viễn Đông, màu đỏ là màu của lửa, của máu, màu của sự sống, của vẻ đẹp, sự giàu có và của sự bất tử. Ở Nhật Bản, màu đỏ là một biểu trưng của tính thành thực, của hạnh phúc và của lòng trung thành với Tổ quốc.

Màu xanh là màu sâu nhất và lạnh nhất trong các màu. Màu xanh khiến cho vạn vật trở nên thanh thoát, cởi mở, trong lành. Trong màu xanh, màu xanh lá cây là kết quả của sự giao thoa giữa màu xanh lam và màu vàng, là trung gian giữa màu xanh lam của trời và màu đỏ hải hùng của địa phủ; giữa cái nóng và cái

lạnh. Màu xanh làm an tâm, tạo cảm giác tươi mát, có tính người. Mỗi dịp xuân về, cây cối sau một mùa đông lạnh giá, rét mướt, cần cỗi... sẽ đâm chồi, nảy lộc. Mặt đất được phủ một màu áo mới tràn đầy sức sống. Màu xanh đó đã mang trở lại niềm hi vọng, một sức trẻ tràn căng nhựa sống. Đó là màu giới cỏ cây tự khẳng định, là màu của sự hồi sinh, của hi vọng, của sức mạnh và sự trường thọ. Ở rất nhiều nơi các dân tộc đã lấy những nhánh cây xanh làm biểu tượng cho sự bất tử. Màu xanh lá cây bao bọc và làm cho tâm hồn yên tĩnh, mát mẻ, khỏe khoắn. Nó có một giá trị huyền thoại của những thiên đường của những tình yêu trẻ thơ, có màu xanh như tuổi thanh xuân vĩnh cửu mà những con người ưu tú được ban tặng. Ở thời đại của chúng ta, màu xanh lá cây luôn được ca ngợi vì nó là biểu tượng của thiên nhiên theo hướng tự nhiên. Các phong trào bảo vệ môi trường luôn lấy màu này làm biểu tượng để đưa thêm một sắc thái hoài niệm vào ý nghĩa tượng trưng ban đầu.

Màu vàng là màu nóng nhất, chói mắt nhất và nồng nhiệt nhất trong các màu, khó dập tắt và luôn tràn ra ngoài khuôn khổ ta muốn gò chặt nó lại như một mẻ kim loại nóng chảy. Màu vàng, màu kim quang, có một giá trị chói lọi, đôi khi nó trở thành một thông lệ hai chiều, một trung gian giữa người trần với thần linh. Vì mang bản chất thần thánh nên màu vàng kim trở thành biểu tượng uy quyền của các vị vương công, vị vua, các hoàng đế để nêu cao nguồn gốc quyền lực thần thánh của các vị này. Màu vàng là màu của vinh hạnh, của cuộc sống vĩnh cửu, của đức tin. Nó nhập với màu tinh khiết nguyên lai của màu trắng trên lá cờ của Vatican. Trong các phòng tang lễ ở Ai Cập, màu vàng thường được kết hợp với màu xanh để đảm bảo cho linh hồn tồn tại vì chất vàng biểu đạt thịt của mặt trời và các thánh thần.

Vàng là màu của đất màu mỡ nhưng màu vàng của bông lúa chín mùa hè báo hiệu thu sang và mặt đất sẽ mất đi vẻ xanh tươi của cây cây lá. Cây lá ngả vàng, những chiếc lá

vàng như báo hiệu sự suy tàn, tuổi già và cái chết đang đến gần.

Màu nâu là màu giữa hung và đen nhưng hơi ngả sang đen. Nó chuyển từ màu đất son sang màu đất thẫm. Màu nâu là màu của đất trồng trọt, của đất sét, của mặt đất. Nó cũng gợi nhớ lá rụng, mùa thu, nỗi buồn. Ở giáo hội Công giáo, màu nâu là một biểu tượng của đức khiêm nhường và sự nghèo khổ. Ở Ailen, màu nâu được dùng thay thế cho màu đen và biểu thị sự hung dữ, quân sự.

Màu tím là sự kết hợp của màu đỏ và xanh lam được coi là màu của tiết lộ, của sự tỉnh táo, cách hành động có suy nghĩ, của sự thăng bằng giữa trời và đất, giữa cảm giác và trí tuệ, đam mê và trí khôn ngoan, tình yêu và sự sáng suốt. Ở xã hội phương Tây, người ta dùng màu tím làm màu tang hoặc nửa tang. Điều này khẳng định niềm tin rằng sự chết không phải là một trạng thái mà là một bước chuyển tiếp. Màu tím là màu làm dịu, thu giảm sắc rực rỡ của màu đỏ.

Màu xám là kết quả của sự kết hợp hai phần bằng nhau của đen và trắng. Nó chỉ sự phục sinh của những người chết. Đó là màu của tro và sương mù. Ở châu Âu, màu xám tro của trời mù tạo cảm giác buồn man mác, phiền muộn.

### 5. Kết luận

Bài viết này đã đề cập đến cách định nghĩa các màu cơ bản trong hai ngôn ngữ Anh - Việt và cũng đã đưa ra những nét khái quát về ý nghĩa biểu trưng của một số màu cơ bản. Dựa trên những ý nghĩa chung này, mỗi dân tộc tự lựa chọn và thiết lập những ý nghĩa riêng cho từng màu sắc trong ngôn ngữ của dân tộc mình.

### Tài liệu tham khảo

1. Berlin, B. and Kay, P (1969), *Basic colour terms*. University of California Press.
2. *Oxford advanced learner's dictionary*. 7<sup>th</sup> edition. Oxford University Press. 2005.
3. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*.
4. Nguyễn Đức Tôn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy của người Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận ngày 05-08-2013)